

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24/8/2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ong Thân Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Sửu - Cán bộ hưu.

Ông Trần Thanh Bình - Cán bộ hưu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 24/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2020, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Giáp Thị H, sinh ngày 06/11/1996.

ĐKHKT: thôn AT, xã BĐ, huyện LN, tỉnh BG.

Nơi ở: thôn SĐ2, xã TL, huyện LN, tỉnh BG.

(Xin vắng mặt tại phiên tòa).

**\* Bị đơn:** Anh Giáp Văn H1, sinh ngày 12/12/1995.

Nguồn quán: xã BĐ, huyện LN, tỉnh BG.

ĐKHKT: thôn AT, xã BĐ, huyện LN, tỉnh BG.

Hiện ở nước ngoài, không rõ địa chỉ.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là chị Giáp Thị H trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Giáp Văn H1 trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/12/2015 tại UBND xã BÐ, huyện LN, tỉnh BG. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau. Đến đầu năm 2018 thì anh H1 xuất khẩu lao động sang Đài Loan, từ khi sang Đài Loan thì anh H ít quan tâm đến vợ con và có gửi tiền về cho chị đủ số tiền trước khi đi chị vay mượn để anh H1 đi lao động. Chị biết được anh H1 đã ngoại tình với người phụ nữ khác từ đó tình cảm vợ chồng không còn nữa. Chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sống và vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa, anh H1 cũng không phụ cấp nuôi con với chị H. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giáp Văn H1.

- Về con chung: Chị và anh Giáp Văn H1 có 02 con chung là cháu Giáp Thu T, sinh ngày 16/01/2016 và cháu Giáp Duy A, sinh ngày 24/11/2017. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

\* Bị đơn anh Giáp Văn H1 hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Giáp Văn H1.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua thân nhân là ông Giáp Văn H2 – Sinh năm 1971. Địa chỉ: thôn AT, xã BÐ, huyện LN, tỉnh BG (là bố đẻ anh H1) có quan điểm trình bày như sau: Ông là bố đẻ của anh Giáp Văn H1, hiện nay anh H1 đang đi lao động tại nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của anh H1 ở nước ngoài thì ông không biết nên không cung cấp cho Tòa án được và gia đình cũng từ chối thực hiện yêu cầu của Tòa án về việc thông báo, yêu cầu anh H1 gửi quan điểm, lời khai về cho Tòa án. Anh H1 có trao đổi quan điểm với gia đình về việc chị H xin ly hôn như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: anh H1 đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh H1 đề nghị giải quyết sau, tại thời điểm hiện nay thì anh H1 không có nhà nên anh H1 đồng ý để chị H nuôi dưỡng con chung

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh H1 không có tài sản chung và công nợ chung.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Giáp Thị H xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Anh Giáp Văn H1 vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Giáp Thị H được ly hôn anh Giáp Văn H1. Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84-Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Giáp Thu T, sinh ngày 16/01/2016 và cháu Giáp Duy A, sinh ngày 24/11/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Tài sản chung, công nợ chung: các đương sự trình bày không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Giáp Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Giáp Thị H là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung đối với anh Giáp Văn H1. Bị đơn Giáp Văn H1 là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn AT, xã BĐ, huyện LN, tỉnh BG nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 6736/QLXNC-P5 ngày 19/5/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Giáp Văn H1 đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 29/01/2020, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh H1. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Giáp Thị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Giáp Văn H1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp anh Giáp Văn H1 cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Giáp Văn H1 theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Giáp Thị H, anh Giáp Văn H1.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Chị Giáp Thị H kết hôn với anh Giáp Văn H1 trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 14/12/2015 tại UBND xã BÐ, huyện LN, tỉnh BG. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau. Đến đầu năm 2018 thì anh H1 xuất khẩu lao động sang Đài Loan, từ khi sang nước ngoài thì anh H1 ít quan tâm vợ con hơn, chị H cho rằng anh H1 ngoại tình với người phụ nữ khác từ đó tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc và chị H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giáp Văn H1. Thông qua người thân (là bố đẻ) anh Giáp Văn H1 có quan điểm đồng ý ly hôn với chị Giáp Thị H.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: chị H và anh H1 mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị Giáp Thị H và anh Giáp Văn H1 đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Giáp Thị H và anh Giáp Văn H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cả hai anh chị đều đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Giáp Thị H được ly hôn anh Giáp Văn H1.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Chị Giáp Thị H và anh Giáp Văn H1 có 02 con chung là cháu Giáp Thu T, sinh ngày 16/01/2016 và cháu Giáp Duy A, sinh ngày 24/11/2017. Sau khi ly

hôn chị H có nguyện vọng được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H1 có quan điểm do không ở nhà nên đồng ý giao hai con chung cho chị H nuôi, khi nào anh về nước sẽ giải quyết sau.

[4.2]. HĐXX thấy: tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án anh H1 không có nhà, không có địa chỉ cụ thể nên anh H1 không trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng hai con chung được. Vì vậy anh H1 đồng ý để chị H nuôi dưỡng hai con chung. Hai con chung đang ở ổn định với chị H. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Giáp Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Giáp Thu T, sinh ngày 16/01/2016 và cháu Giáp Duy A, sinh ngày 24/11/2017. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh H1 về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Giáp Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị H được ly hôn anh Giáp Văn H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Giáp Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Giáp Thu T, sinh ngày 16/01/2016 và cháu Giáp Duy A, sinh ngày 24/11/2017. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh H1 về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Giáp Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000671 ngày 29/5/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Giáp Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Giáp Văn H1 hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Giáp Thị H cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã B, huyện L;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Ong Thân Thắng**

